

Số: 01/KL.TTr

Nghi Lộc, ngày 24 tháng 01 năm 2025

KẾT LUẬN

Thanh tra công tác quản lý, sử dụng tài chính ngân sách và đầu tư xây dựng cơ bản tại UBND xã Nghi Vạn, giai đoạn 2022 – 2023

Thực hiện Quyết định thanh tra số 09/QĐ - TTR ngày 03/12/2024 của Chánh Thanh tra huyện Nghi Lộc về việc thanh tra công tác quản lý sử dụng tài chính ngân sách và đầu tư xây dựng cơ bản tại UBND xã Nghi Vạn. Xét báo cáo của Đoàn thanh tra, Chánh thanh tra huyện kết luận như sau:

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

Xã Nghi Vạn nằm về phía Tây Nam của huyện Nghi Lộc, cách trung tâm huyện 7 km và trung tâm thành phố Vinh 12km về phía Bắc. Có tổng diện tích tự nhiên là 959,95 ha; được chia thành 15 xóm với 2.261 hộ và 9.280 nhân khẩu.

II. KẾT QUẢ THANH TRA

1. CÔNG TÁC QUẢN LÝ TÀI CHÍNH NGÂN SÁCH

1.1. Công tác lập dự toán thu, chi ngân sách

*** Năm 2022:**

- Tổng dự toán thu huyện giao: 16.303.686.000 đồng
- Tổng dự toán chi huyện giao: 16.303.686.000 đồng
- Tổng dự toán thu HĐND xã giao: 27.518.196.903 đồng
- Tổng dự toán chi HĐND xã giao: 27.518.196.903 đồng

*** Năm 2023:**

- Tổng dự toán thu huyện giao: 19.954.796.400 đồng
- Tổng dự toán chi huyện giao: 19.954.796.400 đồng
- Tổng dự toán thu HĐND xã giao: 25.669.467.656 đồng
- Tổng dự toán chi HĐND xã giao: 25.669.467.656 đồng

(Chi tiết tại phụ lục số 01, phụ lục số 02 kèm theo)

UBND xã thực hiện lập dự toán theo nội dung, biểu mẫu, thời hạn và thể hiện các khoản thu, chi theo Mục lục ngân sách nhà nước và hướng dẫn của Bộ Tài chính. UBND xã lập và giao dự toán đều cao hơn dự toán UBND huyện giao. Tuy nhiên, HĐND xã giao một số chỉ tiêu thu, chi ngân sách chưa sát với tình hình thực tế, như: Năm 2022 thu thuế VAT, TNDN đạt 231% dự toán, Thu thuế TNCN đạt 479% dự toán, Chi sự nghiệp văn hoá – TDTT đạt 74% dự toán. Năm 2023 thu Hoa lợi đất công ích 39%, VAT, TNDN 244%, thu cấp quyền sử dụng đất đạt 69%, thuế thu nhập cá nhân đạt 69%

1.2. Chấp hành dự toán ngân sách xã

1.2.1. Số liệu thu – chi

a, Thu chi ngân sách

* Năm 2022:

- Tổng thu ngân sách năm 2022: 29.856.763.735 đồng đạt 183% dự toán huyện giao và 108% dự toán HĐND xã giao. Trong đó:

+ Thu thường xuyên: 7.477.426.308 đồng

+ Thu đầu tư phát triển: 22.379.337.427 đồng

- Tổng chi ngân sách năm 2022: 29.589.729.599 đồng đạt 181% dự toán huyện giao và 107% dự toán HĐND xã giao. Trong đó:

+ Chi thường xuyên: 7.216.278.675 đồng

+ Chi đầu tư phát triển: 22.373.450.924 đồng

- Thu, chi giá dịch vụ năm 2022:

+ Thu giá dịch vụ 466.505.016 đồng

+ Chi giá dịch vụ: 320.070.836 đồng

* Năm 2023:

- Tổng thu ngân sách năm 2023: 24.608.047.524 đồng đạt 123% dự toán huyện giao và 96% dự toán HĐND xã giao. Trong đó:

+ Thu thường xuyên: 8.593.739.777 đồng

+ Thu đầu tư phát triển: 15.512.905.858 đồng

+ Thu giá dịch vụ 501.401.889 đồng

- Tổng chi ngân sách năm 2023: 24.107.501.399 đồng đạt 121% dự toán huyện giao và 94% dự toán HĐND xã giao. Trong đó:

+ Chi thường xuyên: 8.551.470.099 đồng

+ Chi đầu tư phát triển: 15.070.939.200 đồng

+ Chi giá dịch vụ: 485.092.100 đồng

b, Thu chi quỹ chuyên dùng

* Năm 2022

- Tổng thu quỹ chuyên dùng: 64.006.400 đồng

- Tổng chi quỹ chuyên dùng: 6.785.000 đồng

* Năm 2023

- Tổng thu quỹ chuyên dùng: 105.601.400 đồng

- Tổng chi quỹ chuyên dùng: 56.181.400 đồng

c, Thu hộ chi hộ:

* Năm 2022

- Tổng thu hộ:	826.142.700 đồng
- Tổng chi hộ:	734.555.000 đồng
* Năm 2023	
- Tổng thu hộ:	240.146.625 đồng
- Tổng chi hộ:	143.870.016 đồng

(Chi tiết tại phụ lục số 01, phụ lục số 02 kèm theo)

1.2.2. Kết quả kiểm tra sổ sách chứng từ thu

- So sánh với dự toán thu huyện giao: Tỷ lệ thực hiện tổng thu ngân sách năm 2022, 2023 so với tổng dự toán huyện giao lần lượt đạt 183%, 123%. Hầu hết các khoản thu vượt so với dự toán huyện giao. Tuy nhiên, năm 2023 còn có khoản thu hoa lợi công sản chưa đạt so với dự toán huyện giao.

- So sánh với dự toán thu HDND xã giao: Tỷ lệ thực hiện tổng thu ngân sách năm 2022, 2023 so với tổng dự toán HDND xã giao lần lượt đạt 108%, 96%. Nguyên nhân năm 2023 chưa đạt dự toán HDND xã giao là do một số khoản thu chưa đạt dự toán (đặc biệt thu từ nguồn thu cấp quyền sử dụng đất đạt 59%).

- Tỷ lệ nộp các khoản thu ngân sách tại xã vào Kho bạc nhà nước năm 2022, 2023 đều đạt 100%.

- UBND xã đã xây dựng phương án thu và thực hiện quyết toán các khoản thu đối với các xóm vào cuối năm tài chính. Kết quả thu các khoản thu theo phương án như sau: tỷ lệ thu năm 2022 đạt 46% (trong đó các khoản năm 2022 đạt 93%, thu nợ phương án trước năm 2022 đạt 8%); năm 2023 đạt 93%.

- Kiểm tra phương án thu và các khoản thu triển khai tại địa bàn xã cho thấy giai đoạn năm 2022-2023, Nghi Vạn triển khai 06 khoản thu:

+ Quỹ đền ơn đáp nghĩa: Theo hướng dẫn thu của UBND xã Nghi Vạn thì khoản này là thu đóng góp tự nguyện của nhân dân. Tuy nhiên, năm 2022, mặc dù đã triển khai thu vận động của nhân dân nhưng UBND xã không kịp thời hạch toán khoản thu này vào sổ sách kế toán 2022 theo đúng quy định mà thực hiện hạch toán vào năm 2023.

+ Quỹ phòng chống thiên tai: Mức thu năm 2022, 2023: 10.000 đồng/lao động/năm theo đúng quy định của nhà nước. Tuy nhiên, UBND xã chưa triển khai thu quỹ phòng chống thiên tai đối với cán bộ, công chức xã theo quy định.

+ Thu cho thuê đất công ích: một số thu theo hợp đồng cho thuê đất công ích; một số đưa vào phương án thu nhưng không có hợp đồng cho thuê đất công ích.

+ Đối với dịch vụ thu gom và vận chuyển rác thải, UBND xã Nghi Vạn triển khai thu theo mức hướng dẫn của huyện: hộ gia đình cư trú không tham gia kinh doanh mức thu 6.000 đồng/khẩu/tháng; hộ gia đình cư trú không tham gia kinh doanh thuộc diện hộ nghèo, mức thu 4.000 đồng/ khẩu; Hộ kinh doanh thu theo hướng dẫn của huyện.

- Đối với quỹ phòng chống thiên tai năm 2022: kế toán không hạch toán đầy đủ số tiền thu được vào sổ sách kế toán mà chỉ hạch toán số tiền còn lại sau khi đã nộp cấp trên là không đúng quy định của Luật kế toán

1.2.3. Kết quả kiểm tra sổ sách chứng từ chi

- UBND xã Nghi Vạn đã quan tâm xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ để thuận lợi trong quá trình điều hành chi ngân sách.

- Năm 2022 - 2023, UBND xã Nghi Vạn điều hành chi ngân sách cơ bản sát dự toán HĐND xã giao, cụ thể: năm 2022 chi đạt 107% dự toán, năm 2023 chi 94% dự toán.

- Kiểm tra, đối chiếu việc rút nguồn thường xuyên và chứng từ chi cho thấy: Năm 2022, đối với khoản rút dự toán từ KBNN về nhập quỹ tiền mặt, UBND xã thực hiện một số khoản chi tiền mặt không thuộc danh mục đã trình cơ quan Kho bạc Nhà nước kiểm soát chi (có sự chênh lệch giữa nội dung rút Kho bạc và nội dung chi thực tế tại đơn vị).

- Kiểm tra nguồn mục tiêu rút về quỹ tiền mặt năm 2022-2023 cho thấy: UBND xã Nghi Vạn rút các nguồn về chi cho các đối tượng khá kịp thời.

- Kiểm tra việc thực hiện xuất hóa đơn đối với các công trình đã nghiệm thu hoàn thành giá trị thì công đưa vào sử dụng do kế toán xã cung cấp, cho thấy: Có một số công trình đã nghiệm thu hoàn thành nhưng Nhà thầu thi công chậm hoặc chưa thực hiện việc xuất hóa đơn GTGT theo giá trị nghiệm thu dẫn đến chậm kê khai thuế GTGT.

- Có 18 chứng từ chi được kiểm tra không đảm bảo quy định (năm 2022 có 07 chứng từ, năm 2023 có 11 chứng từ). *(Chi tiết tại phụ lục số 3a, 3b kèm theo)*

1.3. Kế toán và quyết toán ngân sách

- Mở đầy đủ các loại sổ kế toán để theo dõi quản lý thu chi ngân sách theo quy định.

- Công tác khóa sổ cuối năm và lập báo cáo quyết toán ngân sách được thực hiện kịp thời.

- Chứng từ thu, chi được đánh số hiệu và lưu trữ khoa học.

- Năm 2022, UBND xã đã sử dụng nguồn tăng thu ngân sách so với dự toán không đúng quy định, chưa bố trí đủ nguồn cải cách tiền lương. Cụ thể: Nguồn vượt thu làm căn cứ tính CCTL là 688.638.000 đồng; 70% nguồn vượt thu phải sử dụng để làm nguồn CCTL là 482.047.000 đồng; thực tế UBND xã chuyển nguồn CCTL sang năm sau là 407.118.000 đồng; Nguồn cải cách tiền lương bố trí thiếu là 95.823.000 đồng. Tuy nhiên, năm 2023 UBND xã đã bố trí nguồn CCTL bù một phần số thiếu của năm 2022 là 20.894.000 đồng. Như vậy, trong 2 năm 2022 – 2023, UBND xã bố trí thiếu nguồn cải cách tiền lương là 74.929.000 đồng.

- UBND xã không hạch toán thu – chi ngân sách đối với nguồn cấp bù thủy lợi phí mà theo dõi ở sổ thu hộ - chi hộ là không đúng quy định.

- Qua kiểm tra sổ sách theo dõi quỹ chuyên dùng, thu hộ chi hộ cho thấy:

+ Quỹ an ninh quốc phòng huy động đã nhiều năm, hiện nay đã hết nhiệm vụ chi nhưng cuối năm 2023 vẫn còn tồn quỹ 12.467.000 đồng. Theo giải trình của xã số tiền này đã chi hoạt động an ninh quốc phòng năm 2024.

+ Quỹ dồn điền đổi thửa đã huy động từ nhiều năm, tuy nhiên không phát sinh chi trong các năm gần đây, số dư cuối năm 2023 là 85.124.929 đồng. Theo giải trình xã số tiền này đã chi làm nương tiêu nước phục vụ dồn điền đổi thửa.

2. CÔNG TÁC QUẢN LÝ XÂY DỰNG CƠ BẢN

2.1. Tổng hợp các công trình

Theo báo cáo của UBND xã Nghi Vạn, giai đoạn 2022 – 2023 trên địa bàn xã Nghi Vạn có 48 công trình được đầu tư XD CB. Trong đó: có 33 công trình đã hoàn thành và đã quyết toán, 11 công trình hoàn thành chưa quyết toán, 04 công trình chưa hoàn thành đến hết năm 2023.

+ Tổng mức đầu tư: 83.536.374.932 đồng.

+ Giá trị nghiệm thu, quyết toán: 76.511.464.802 đồng

+ Đã thanh toán: 59.591.535.770 đồng. Trong đó thanh toán năm 2022 - 2023: 33.274.873.984 đồng

+ Nợ chưa thanh toán: 16.919.929.032 đồng.

2.2. Kết quả thanh tra trực tiếp một số công trình

Đoàn thanh tra thực hiện 9 công trình giai đoạn 2022 - 2023 trên địa bàn xã Nghi Vạn. Trong đó, có 07 công trình đã quyết toán và 02 công trình hoàn thành chưa quyết toán. Cụ thể:

2.2.1. Cải tạo, sửa chữa cấp bách 1 số hạng mục bị xuống cấp trường THCS Nghi Vạn.

- Công trình đã hoàn thành đưa vào sử dụng được UBND xã và nhà thầu thi công nghiệm thu, đã phê duyệt quyết toán vốn đầu tư hoàn thành, cụ thể:

- Tổng giá trị theo quyết toán là: 1.093.088.000 đồng.

- Giá trị xây lắp là: 959.580.000 đồng.

- Giá trị xây lắp sau thanh tra là: 956.125.000 đồng.

- Chênh lệch giảm số tiền: 3.455.000 đồng.

- Nhà thầu thi công: Công ty TNHH Hàm Toàn Thắng.

- Nguyên nhân: Khối lượng xây trũng bê tông lanh tô và xây gạch nghiệm thu chưa đúng thực tế.

- Kiến nghị xử lý: Thu hồi giá trị xây lắp số tiền là: 3.455.000 đồng.

2.2.2. XD nhà thể thao đa chức năng trường TH xã nghi Vạn.

- Công trình đã hoàn thành đưa vào sử dụng được UBND xã và nhà thầu thi công nghiệm thu, đã phê duyệt quyết toán vốn đầu tư hoàn thành, cụ thể:

- Tổng giá trị theo quyết toán là: 3.133.193.000 đồng.

- Giá trị xây lắp là: 2.755.170.000 đồng.

- Giá trị xây lắp sau thanh tra là: 2.748.259.000 đồng.

- Chênh lệch giảm số tiền: 6.911.000 đồng.

- Nguyên nhân: Khối lượng vận chuyển đất thải nghiệm thu chưa đúng.
- Kiến nghị xử lý: Thu hồi giá trị xây lắp số tiền là: 6.911.000 đồng.

2.2.3. XD hệ thống truyền thanh cơ sở ứng dụng công nghệ thông tin - viên thông xã Nghi Vạn, huyện Nghi Lộc.

- Công trình đã hoàn thành đưa vào sử dụng được UBND xã và nhà thầu thi công nghiệm thu, đã phê duyệt quyết toán vốn đầu tư hoàn thành, cụ thể:
- Tổng giá trị theo quyết toán là: 524.716.000 đồng.
- Giá trị xây lắp là: 497.481.000 đồng.
- Giá trị xây lắp sau thanh tra là: 497.481.000 đồng.
- Chênh lệch giảm số tiền: 0 đồng.
- Nhà thầu thi công: Công ty CP tư vấn và XD phát thanh truyền hình.
- Kiến nghị xử lý: Không.

2.2.4. Nhà học 2 tầng 4 phòng trường Tiểu học.

- Công trình đã hoàn thành đưa vào sử dụng được UBND xã và nhà thầu thi công nghiệm thu, đã phê duyệt quyết toán vốn đầu tư hoàn thành, cụ thể:
- Tổng giá trị theo quyết toán là: 2.763.342.000 đồng.
- Giá trị xây lắp là: 2.405.182.000 đồng.
- Giá trị xây lắp sau thanh tra là: 2.397.964.000 đồng.
- Chênh lệch giảm số tiền: 7.218.000 đồng.
- Nhà thầu thi công: Công ty TNHH XD Hùng Long.
- Nguyên nhân: Đơn giá ke chống bão và nhân công lắp đặt ống gen điện không phù hợp.
- Kiến nghị xử lý: Thu hồi giá trị xây lắp số tiền là: 7.218.000 đồng.

2.2.5. XD cầu Tép, xóm Tân Sơn, xã Nghi Vạn

- Công trình đã hoàn thành đưa vào sử dụng được UBND xã và nhà thầu thi công nghiệm thu, trình phê duyệt quyết toán vốn đầu tư hoàn thành, cụ thể:
- Tổng giá trị theo quyết toán là: 945.397.000 đồng.
- Giá trị xây lắp là: 828.611.000 đồng.
- Giá trị xây lắp sau thanh tra là: 822.085.000 đồng.
- Chênh lệch giảm số tiền: 6.526.000 đồng.
- Nhà thầu thi công: Công ty CP ĐTXD và TM An Phát Thịnh.
- Nguyên nhân: Khẩu hao vật liệu, ván khuôn tính chưa đúng thực tế.
- Kiến nghị xử lý: Giảm trừ giá trị xây lắp khi quyết toán công trình số tiền là: 6.526.000 đồng.

2.2.6. Cải tạo, nâng cấp nhà học 2 tầng 8 phòng, hệ thống sân nền và công trình phụ trợ trường THCS xã Nghi Vạn

- Công trình đã hoàn thành đưa vào sử dụng được UBND xã và nhà thầu thi công nghiệm thu, đã phê duyệt quyết toán vốn đầu tư hoàn thành, cụ thể:

- Tổng giá trị theo quyết toán là: 3.445.354.000 đồng.
- Giá trị xây lắp là: 3.034.236.000 đồng.
- Giá trị xây lắp sau thanh tra là: 3.025.486.000 đồng.
- Chênh lệch giảm số tiền: 8.750.000 đồng.
- Nhà thầu thi công: Công ty cổ phần XD VHB Nghệ An.
- Nguyên nhân: Lu lèn và vận chuyển đất bồn cây tính chưa đúng thực tế.
- Kiến nghị xử lý: Thu hồi giá trị xây lắp số tiền là: 8.750.000 đồng.

2.2.7. XD sân, khuôn viên và các công trình phụ trợ CA xã Nghi Vạn

- Công trình đã hoàn thành đưa vào sử dụng được UBND xã và nhà thầu thi công nghiệm thu, đã phê duyệt quyết toán vốn đầu tư hoàn thành, cụ thể:

- Tổng giá trị theo quyết toán là: 1.106.407.000 đồng.
- Giá trị xây lắp là: 982.109.000 đồng.
- Giá trị xây lắp sau thanh tra là: 979.417.000 đồng.
- Chênh lệch giảm số tiền: 2.692.000 đồng.
- Nhà thầu thi công: Công ty TNHH XD Hùng Long.
- Nguyên nhân: Khối lượng vận chuyển đất thải tính chưa đúng thực tế.
- Kiến nghị xử lý: Thu hồi giá trị xây lắp số tiền là: 2.692.000 đồng.

2.2.8. Kênh mương tưới, tiêu xóm Nam Bồ Sơn, xã Nghi Vạn.

- Công trình đã hoàn thành đưa vào sử dụng được UBND xã và nhà thầu thi công nghiệm thu, trình phê duyệt quyết toán vốn đầu tư hoàn thành, cụ thể:

- Tổng giá trị theo quyết toán là: 1.016.912.000 đồng.
- Giá trị xây lắp là: 869.594.000 đồng.
- Giá trị xây lắp sau thanh tra là: 865.287.000 đồng.
- Chênh lệch giảm số tiền: 4.307.000 đồng.
- Nhà thầu thi công: Công ty CP TV XD Dương Nguyệt.
- Nguyên nhân: Khối lượng vận chuyển đất thải và ca máy dọn dẹp mặt bằng tính chưa đúng thực tế.
- Kiến nghị xử lý: Thu hồi giá trị xây lắp số tiền là: 4.307.000 đồng

2.2.9. Xây dựng tuyến mương tiêu từ cổng bệnh viện Phổi - Cầu Ngói xã Nghi Vạn.

- Công trình đã hoàn thành đưa vào sử dụng được UBND xã và nhà thầu thi công nghiệm thu, đã nghiệm thu A-B khối lượng hoàn thành, cụ thể:

- Tổng giá trị theo đề nghị quyết toán là: 3.176.343.000 đồng.
- Giá trị xây lắp là: 2.801.380.000 đồng.

- Giá trị xây lắp sau thanh tra là: 2.779.8140 đồng.
- Chênh lệch giảm số tiền: 21.566.000 đồng.
- Nhà thầu thi công: Công ty cổ phần HC Minh Đạt.
- Kiến nghị xử lý: Giảm trừ giá trị xây lắp khi quyết toán công trình số tiền là: 21.566.000 đồng.

(Chi tiết có Phụ lục số 04 kèm theo)

III. NHẬN XÉT VÀ KẾT LUẬN

1. CÔNG TÁC QUẢN LÝ TÀI CHÍNH NGÂN SÁCH

1.1. Công tác lập dự toán thu, chi ngân sách

*** Ưu điểm**

- Công tác lập dự toán thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn xã trong 2 năm được thực hiện theo đúng trình tự xây dựng dự toán của Luật ngân sách, đúng định mức của HĐND huyện, đã bao quát được nguồn thu và cơ bản phù hợp với tình hình thực tiễn của địa phương.

- UBND xã đã thực hiện cân đối nguồn thu để xây dựng dự toán chi; cơ cấu bố trí chi đầu tư phát triển, chi thường xuyên theo các lĩnh vực cơ bản đáp ứng được yêu cầu và đúng quy định.

*** Tồn tại**

- Thực hiện giao chỉ tiêu dự toán thu, chi ngân sách một số nội dung chưa sát với tình hình thực hiện nhiệm vụ chính trị và thực tế thu chi của địa phương.

1.2. Thực hiện quản lý điều hành ngân sách

1.2.1. Thu ngân sách

*** Ưu điểm**

- Tổng thu ngân sách vượt dự toán UBND huyện giao và cơ bản đạt dự toán HĐND xã giao. Hầu hết các khoản thu vượt dự toán UBND huyện giao. Một số khoản thu vượt so với dự toán HĐND xã giao.

- UBND xã Nghi Vạn chấp hành nghiêm việc nộp các khoản thu tại xã vào Kho bạc Nhà nước.

- UBND xã đã thực hiện lập biên lai thu đối với các khoản thu theo quy định của Bộ Tài chính.

- UBND xã đã xây dựng phương án thu và thực hiện quyết toán các khoản thu đối với các xóm vào cuối năm tài chính. Áp dụng mức thu quỹ phòng chống thiên tai đúng theo quy định của Nhà nước.

*** Tồn tại**

- Một số khoản thu chưa đạt so với dự toán của HĐND xã và huyện giao.

- Năm 2022 – 2023, UBND xã chưa triển khai thu quỹ phòng chống thiên tai đối với cán bộ, công chức xã theo quy định.

- Tỷ lệ thu nợ phương án từ các năm trước còn chưa cao (năm 2022 chỉ đạt

- Năm 2022, UBND xã không hạch toán kịp thời khoản thu vận động quỹ đền ơn đáp nghĩa vào sổ sách kế toán theo quy định.

- Đối với quỹ phòng chống thiên tai năm 2022, kế toán không hạch toán đầy đủ số tiền thu được vào sổ sách kế toán mà chỉ hạch toán số tiền còn lại sau khi đã nộp cấp trên là không đúng quy định của Luật kế toán.

1.2.2 Chi ngân sách

*** Ưu điểm:**

- Ngân sách xã cơ bản đáp ứng được các khoản chi thường xuyên phục vụ cho hoạt động của Đảng, chính quyền và các đoàn thể như lương, phụ cấp, trợ cấp xã hội và chi khác.

- Điều hành chi ngân sách cơ bản bám sát vào dự toán được giao hàng năm. Thực hiện các nhiệm vụ chi cơ bản đảm bảo theo quy định của Luật ngân sách Nhà nước.

*** Tồn tại:**

- Có 18 chứng từ chi được kiểm tra chưa đầy đủ nội dung chứng từ, chưa phù hợp giữa loại chứng từ kèm theo là trái với quy định tại Điều 16 và Điều 18 Luật Kế toán. Trong đó, một số phiếu chi tiền đã hạch toán vào sổ kế toán nhưng một số đối tượng không ký nhận trên danh sách kèm theo chứng từ. Yêu cầu UBND xã rút kinh nghiệm trong thời gian tới.

- Năm 2022, thực hiện một số khoản chi tiền mặt ngân sách không thuộc danh mục đã trình cơ quan Kho bạc Nhà nước kiểm soát chi (có sự chênh lệch giữa nội dung rút Kho bạc và nội dung chi thực tế tại đơn vị).

- UBND xã yêu cầu đơn vị nhà thầu xuất hóa đơn GTGT chưa kịp thời đối với một số hạng mục hoàn thành được nghiệm thu, thanh lý là không đảm bảo về thời điểm xuất hóa đơn theo quy định tại Điểm c, Khoản 4, Điều 9, Nghị định 123/2020/NĐ-CP của Chính phủ. Mặt khác, với hành vi này các nhà thầu chậm nộp thuế cho nhà nước là vi phạm Khoản 5, Điều 8, Thông tư số 219/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính.

1.2.3. Kế toán và quyết toán ngân sách

*** Ưu điểm:**

- Mở đầy đủ các loại sổ kế toán để theo dõi quản lý thu chi ngân sách theo quy định.

- Công tác khóa sổ cuối năm và lập báo cáo quyết toán ngân sách được thực hiện kịp thời.

- Lập kế hoạch thu phương án, theo dõi và quyết toán các khoản thu tại xã kịp thời, đầy đủ.

- Chứng từ thu, chi được đánh số hiệu và lưu trữ khoa học.

*** Tồn tại:**

- Việc sử dụng một số loại quỹ được huy động tại xã chưa kịp thời như: Quỹ an ninh quốc phòng; Quỹ đền đền đổi thửa.

- UBND xã không hạch toán thu – chi ngân sách đối với nguồn cấp bù thủy lợi phí mà theo dõi ở sổ thu hộ - chi hộ là không đúng quy định.

- Năm 2022 - 2023, UBND xã Nghi Vạn đã sử dụng nguồn tăng thu ngân sách so với dự toán không đúng quy định, chưa bố trí đủ nguồn cải cách tiền lương quy định tại Khoản 3, Điều 64, Luật Ngân sách nhà nước. Nguồn cải cách tiền lương bố trí thiếu là 74.929.000 đồng.

2. Công tác quản lý đầu tư xây dựng cơ bản

2.1. Ưu điểm:

- Về quy trình đầu tư XD CB, UBND xã Nghi Vạn đã cơ bản chấp hành tốt các quy định về quản lý đầu tư xây dựng công trình theo quy định tại Luật xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/06/2014, Nghị định của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng, và các quy định về quản lý đầu tư công trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

- Về công tác lựa chọn nhà thầu: Các công trình được thanh tra theo báo cáo chủ yếu là chỉ định thầu (06 công trình) và 3 công trình thực hiện đấu thầu hạn chế. Việc lựa chọn nhà thầu theo kế hoạch lựa chọn nhà thầu đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

- Công tác huy động nguồn lực để đầu tư trong giai đoạn 2022-2023 được xã thực hiện khá tốt. Các công trình được UBND xã đầu tư trong thời gian qua cơ bản đáp ứng được nhu cầu cấp thiết, các công trình hoàn thành đưa vào sử dụng đã huy hiệu quả góp phần phát triển kinh tế xã hội trên địa bàn.

2.2 Tồn tại:

- Hồ sơ các công trình đều thiếu báo cáo báo cáo thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối nguồn vốn theo luật đầu tư công. Một số công trình ban hành nghị quyết chủ trương đầu tư nhưng chưa có vốn để thực hiện theo quy định (vi phạm luật đầu tư công).

- Các công trình sau khi có kết quả lựa chọn nhà thầu theo hình thức chào hàng cạnh tranh, chỉ định thầu rút gọn, UBND xã không có báo cáo thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu; không đăng tải kế hoạch lựa chọn nhà thầu và kết quả lựa chọn nhà thầu lên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.

- Công tác lập dự toán, áp giá của đơn vị tư vấn thiết kế không phù hợp, kết quả thẩm định một số vật liệu không đúng nên làm tăng giá trị công trình.

- Công tác nghiệm thu khối lượng hoàn thành một số công trình chưa đúng thực tế hiện trường nhà thầu thi công làm tăng giá trị thanh toán.

IV. NGUYÊN NHÂN VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA TẬP THỂ, CÁ NHÂN

1. Nguyên nhân

1.1. Nguyên nhân khách quan

- Công tác kiểm tra, đôn đốc chỉ đạo của các phòng ban chuyên môn cấp huyện chưa thường xuyên nên không phát hiện và chấn chỉnh kịp thời những sai phạm tại địa phương.

- HĐND xã – UBNDTTQ xã và các thành viên chưa phát huy hết chức năng giám sát thường xuyên, định kỳ nên chưa phát hiện và chấn chỉnh kịp thời các sai phạm của UBND xã trong quản lý, điều hành ngân sách và XD CB.

1.2. Nguyên nhân chủ quan

- Công chức kế toán chưa nắm bắt hết các quy định của Nhà nước dẫn đến tham mưu trình tự, thủ tục một số khoản thu chưa chính xác, một số chứng từ thanh toán còn thiếu sót và thực hiện một số nội dung chi không đảm bảo theo quy định, một số nghiệp vụ hạch toán chưa đúng quy định.

- Trách nhiệm của Chủ đầu tư, năng lực của Ban Quản lý dự án và một số nhà thầu thi công, đơn vị tư vấn khảo sát, thiết kế, giám sát còn hạn chế.

- Chủ đầu tư (UBND xã Nghi Vạn) và nhà thầu thi công chậm thực hiện các thủ tục, hồ sơ nghiệm thu trình cơ quan thẩm định, phê duyệt quyết toán vốn đầu tư hoàn thành.

2. Trách nhiệm của tập thể, cá nhân

2.1. Đối với tập thể HĐND - UBND xã Nghi Vạn

- Thực hiện giao chỉ tiêu dự toán thu, chi ngân sách một số nội dung chưa sát với tình hình thực hiện nhiệm vụ chính trị và thực tế của địa phương.

- Công tác quản lý Nhà nước về tài chính ngân sách và xây dựng cơ bản một số nội dung còn thiếu chặt chẽ.

- Việc tổ chức kiểm tra, giám sát, nghiệm thu trong XD CB chưa quan tâm nhiều.

- Việc xây dựng kế hoạch thanh toán nợ công XD CB trong các năm 2022-2023 vẫn đang ưu tiên đầu tư công trình mới.

2.2 Đối với cá nhân

*** Chủ tịch UBND xã và Phó Chủ tịch UBND xã phụ trách**

- Công tác chỉ đạo lập dự toán thu chi một số nội dung chưa sát với thực tế.

- Chỉ đạo điều hành về ngân sách còn một số nội dung thiếu chặt chẽ dẫn đến duyệt chi một số khoản chưa đảm bảo.

- Chủ tịch UBND xã thực hiện ký hồ sơ quyết toán giữa A-B đối với một số công trình chưa đúng với khối lượng thực tế hiện trường đã thi công dẫn tới trình trình giá trị quyết toán không đúng.

*** Công chức kế toán xã**

- Tham mưu một số khoản thu chưa đảm bảo quy định

- Tham mưu thực hiện một số khoản chi chưa chặt chẽ dẫn đến việc một số chứng từ chi không đầy đủ thủ tục theo quy định. Công tác hạch toán đối với một số nghiệp vụ kế toán còn chưa đảm bảo.

- Chưa yêu cầu các đơn vị thi công xuất hóa đơn GTGT kịp thời đối với một số hạng mục công trình đã nghiệm thu hoàn thành.

*** Công chức địa chính – xây dựng**

Không tham mưu một số thủ tục như thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu đối với các công trình chỉ định thầu; chưa đăng tải kế hoạch lựa chọn nhà thầu và kết quả lựa chọn nhà thầu lên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.

V. KIẾN NGHỊ BIỆN PHÁP XỬ LÝ

Qua kết quả thanh tra về công tác quản lý tài chính ngân sách trên địa bàn xã Nghi Vạn giai đoạn năm 2022-2023, Thanh tra huyện kiến nghị UBND huyện chỉ đạo và giao trách nhiệm để thực hiện các nội dung sau:

1. Giao cho Chủ tịch UBND xã Nghi Vạn

* Về công tác quản lý tài chính ngân sách

- Tiếp tục nâng cao chất lượng lập dự toán thu, chi ngân sách, bám sát tình hình thực hiện nhiệm vụ chính trị và thực tế thu chi của địa phương.

- Chấn chỉnh trong công tác hạch toán một số khoản thu chưa đảm bảo quy định. Thực hiện hạch toán đầy đủ, kịp thời các khoản thu tại xã vào sổ sách kế toán.

- Chấm dứt tình trạng sử dụng nguồn tăng thu ngân sách so với dự toán không đúng quy định. Thực hiện bố trí đủ nguồn cải cách tiền lương theo đúng quy định tại Khoản 3, Điều 64, Luật Ngân sách nhà nước và văn bản số 1058/BTC-KBNN ngày 25/01/2024 của Bộ Tài chính về việc phân bổ kinh phí được sử dụng từ nguồn cải cách tiền lương.

- Đối với các khoản huy động tự nguyện nguồn lực từ nhân dân, UBND xã phải xây dựng kế hoạch chi và sử dụng kịp thời, đúng mục đích huy động.

- Chấn chỉnh các tồn tại trong việc lập chứng từ kế toán đảm bảo chứng từ đúng quy định của Luật Kế toán và Luật Ngân sách Nhà nước.

- Soát xét lại việc xuất hóa đơn đối với các công trình đã nghiệm thu hoàn thành. Thường xuyên đôn đốc, yêu cầu các đơn vị thi công xuất hóa đơn GTGT kịp thời đối với một số hạng mục công trình đã nghiệm thu hoàn thành để kịp thời kê khai nộp thuế theo quy định của pháp luật.

* Về công tác quản lý xây dựng cơ bản

- Thực hiện đôn đốc các công ty thu hồi số tiền: **33.333.000 đồng**, nộp vào Tài khoản tạm giữ số 3941.0.1005055 của Phòng TC-KH mở tại Kho bạc Nhà nước Nghi Lộc. *(Chi tiết tại Phụ lục số 05 kèm theo)*

- Chấn chỉnh trong việc lưu hồ sơ các công trình chưa đầy đủ theo quy định.

- Khắc phục tình trạng các công trình sau khi có kết quả lựa chọn nhà thầu theo hình thức chào hàng cạnh tranh, chỉ định thầu rút gọn, UBND xã không có báo cáo thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu; không đăng tải kế hoạch lựa chọn nhà thầu và kết quả lựa chọn nhà thầu lên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.

- Chấn chỉnh đối với công tác lập dự toán, áp giá của đơn vị tư vấn thiết kế không phù hợp, kết quả thẩm định một số vật liệu không đúng nên làm tăng giá trị công trình; Công tác nghiệm thu khối lượng hoàn thành một số công trình chưa đúng thực tế hiện trường nhà thầu thi công làm tăng giá trị thanh toán.

2. Giao Trưởng Phòng TC-KH

- Giao Phòng Tài chính Kế hoạch huyện khi thực hiện quyết toán vốn đầu tư hoàn thành các công trình giảm giá trị quyết toán vốn đầu tư công trình với số tiền: **28.092.000 đồng**. (chi tiết tại Phụ lục 05 kèm theo)

- Chỉ đạo, theo dõi, hướng dẫn xã Nghi Vạn thực hiện xử lý các vi phạm, đơn đốc UBND xã yêu cầu các công ty có sai phạm nộp số tiền vi phạm vào tài khoản tạm giữ theo đúng quy định.

- Tăng cường công tác kiểm tra, quyết toán ngân sách xã để phòng ngừa và có biện pháp xử lý kịp thời đối với những vi phạm phát hiện.

3. Giao Trưởng phòng Kinh tế hạ tầng và Đô thị

- Nâng cao chất lượng công tác thẩm tra Báo cáo Kinh tế kỹ thuật, thiết kế dự toán các công trình, kiểm tra rà soát khối lượng, một số công tác áp sai định mức, đơn giá Nhà nước tránh làm tăng chi phí đầu tư xây dựng công trình.

- Tăng cường công tác kiểm tra công tác quản lý chất lượng công trình xây dựng cơ bản các công trình do UBND xã làm chủ đầu tư trên địa bàn xã.

4. Giao cho Chánh thanh tra huyện: theo dõi, đơn đốc công tác xử lý sau thanh tra.

Trên đây là Kết luận thanh tra công tác quản lý, sử dụng tài chính ngân sách tại xã Nghi Vạn giai đoạn 2022-2023.

Nơi nhận:

- Chủ tịch, các phó Chủ tịch huyện;
- Thanh tra huyện;
- Các Phòng: TCKH; KTHT&ĐT huyện;
- UBND xã Nghi Vạn;
- Lưu VT, HS TTr.

CHÁNH THANH TRA



Phạm Sỹ Vinh

SỐ LIỆU TÀI CHÍNH NGÂN SÁCH XÃ NGHĨ VẠN NĂM 2022

Đơn vị: Đồng

NỘI DUNG THU	DT HUYỆN GIAO	DT HĐND XÃ	THỰC HIỆN	DÀ QUẢ KHO BẠC	TH/DT huyện giao (%)	TH/DT xã giao (%)	TT	NỘI DUNG CHI	DT HUYỆN GIAO	DT HĐND XÃ	THỰC HIỆN	TH/DT huyện giao (%)	TH/DT xã giao (%)
AN SÁCH	16.303.686.000	27.518.196.903	29.856.763.735	-	183	108	A	CHI NGÂN SÁCH	16.303.686.000	27.518.196.903	29.856.729.599	181	107,53
ng huyện	7.583.410.000	7.438.908.903	7.472.426.308	-	99	101	I	Chi thường xuyên	7.583.410.000	7.438.908.903	7.216.278.675	95	97,01
i	16.000.000	56.000.000	60.170.000		376	107	1	SN xã hội	507.820.000	523.188.000	515.794.000	102	98,59
CI & HLCS	105.000.000	120.000.000	132.720.000		126	111	2	SN giáo dục	50.000.000	40.000.000	35.480.000	71	88,70
	12.000.000	117.000.000	69.234.030		577	59	3	SN VH-TDTT	230.000.000	310.502.000	231.201.860	101	74,46
							4	Chi sự nghiệp Y tế, dân số		11.000.000	10.030.000		91,18
							5	Sự nghiệp môi trường	175.000.000	175.000.000	175.000.000		100,00
NDN	8.000.000	8.000.000	18.513.333		231	231	7	SN kinh tế	206.408.000	319.503.000	361.486.000	175	113,14
nhập cá nhân	2.666.000	2.666.000	12.775.645		479	479	8	SNQLNN Đảng đoàn thể	4.775.182.000	4.878.837.903	4.836.915.795	101	99,14
uyện SD Đất							9	Dân quân TV, ANQP	701.000.000	790.196.000	787.298.940	112	99,63
Nhà đất	50.000.000	196.807.000	205.647.434		411	104	10	Khác	45.000.000				
đất							11	Dư phòng	119.000.000	123.000.000	24.944.080	21	20,28
Đất phi NN	10.000.000	112.684.000	113.824.187		1138	101	12	Chi chuyển nguồn sang năm sau			238.128.000		
ng từ NS cấp trên	6.588.744.000	6.588.744.000	6.588.744.000	-	100	100	13	Chi phòng chống dịch	100.000.000				
đi	5.775.148.000	5.775.148.000	5.775.148.000		100	100	14	Chi cải cách tiền lương		267.682.000			
ên nguồn NS năm trước	813.596.000	813.596.000	813.596.000		100	100	15	Chi thuỷ lợi phi	674.000.000				
ng (NSX)		7.594.903	7.594.903			100							
		19.500.000	19.500.000										
về MT đối với khai thác													
án	85.000.000	126.068.000	164.842.585		194								
áp quyền đối với khai													
ng sản	32.000.000	83.845.000	83.860.191		262								
lợi phi	674.000.000												
DT	8.720.276.000	20.079.288.000	22.379.337.427	-	257	111	II	Chi Đầu tư PT	8.720.276.000	20.079.288.000	22.373.450.924	257	111,43
o của ND theo quy định							1	Chi đầu tư XD CB	8.720.276.000	20.079.288.000	18.676.075.984	214	93,01
o từ nguyên							2	Đầu tư phát triển khác					
phi bồi thường GPMB							3	Chi chuyển nguồn sang năm sau			3.697.374.940		
quyền sử dụng đất	2.400.000.000	12.637.744.000	14.937.793.427		622	118							
ng từ NS huyện	4.437.457.000	4.437.457.000	4.437.457.000			100							
ur		561.432.000	561.432.000										
u BSNs cấp tỉnh	1.882.819.000	1.882.819.000	1.882.819.000										
ên nguồn NS năm trước													
ng (NST, H.X)													
dịch vụ	0	545.000.000	466.505.016			86	III	Chi giá dịch vụ		545.000.000	320.070.836		

CHI NGÂN SÁCH	A	108	183		29.856.763.735	27.518.196.903	16.303.686.000	CHI NGÂN SÁCH	16.303.686.000	27.518.196.903	29.856.763.735	181	107.53
Chi giá dịch vụ môi trường	1	74			48.355.735	65.000.000		Chi giá dịch vụ môi trường		65.000.000	20.764		
	2	87			418.149.281	480.000.000	0	Chi giá dịch vụ môi trường		480.000.000	320.050.072		
	B				64.006.400			CHI QUỸ CHUYỂN DÙNG			6.785.000		
					54.196.400								
					9.810.000								
	C				826.142.700			THU HỘ			734.555.000		
					82.677.700								
					743.465.000								
TỔNG CỘNG			0		31.213.417.851	28.063.196.903	16.303.686.000	TỔNG CỘNG	16.303.686.000	28.063.196.903	30.651.140.435		

- Số kết dư ngân sách :

- Số kết dư quá DYT-SMT:
- Số kết dư giá DYT chi:
- Kết dư quỹ chuyển dùng +31:
- Kết dư thu hộ chi hộ 3361,3362:

98.099.209
48.334.971
57.221.400
91.387.700

Tổng các nguồn
Tiền mặt
Tiền gửi

562.277.416
442.086
561.835.330

267.034.136

TỔNG HỢP THU CHI TÀI CHÍNH NGÂN SÁCH XÃ NGHĨ VẠN NĂM 2023

Phụ lục 2

Nội dung thu	Dự toán huyện giao	Dự toán HĐND xã giao	Thực hiện	Đã qua kho bạc	TH/DT Huyện giao	TH/DT xã %	TT	Nội dung chi	Dự toán huyện giao	Dự toán HĐND xã giao	Thực hiện	Đã qua kho bạc	TH/DT Huyện giao	TH/DT xã %
NS SÁCH	19.954.796.400	25.669.467.656	24.608.047.524	24.608.047.524	123	96	A	Chi ngân sách	19.954.796.400	25.669.467.656	24.107.501.399	24.050.133.699	121	94
Chi thường xuyên	8.056.241.400	8.385.069.400	8.593.739.777	8.593.739.777	107	102	I	Chi thường xuyên	8.056.241.400	8.385.069.400	8.551.470.099	8.551.470.099	106	102
Chi mua sắm tài sản	41.300.000	54.000.000	41.994.000	41.994.000	102	78	1	Sự nghiệp xã hội	290.394.000	214.944.000	208.260.000	208.260.000	72	97
Chi mua sắm tài sản	105.000.000	105.000.000	41.154.208	41.154.208	39	39	2	Sự nghiệp giáo dục	50.000.000	63.400.000	61.842.000	61.842.000	124	98
Chi mua sắm tài sản							3	SN VH-TDTT	234.600.000	294.600.000	294.600.000	294.600.000	126	100
Chi mua sắm tài sản	15.000.000	60.000.000	54.637.700	54.637.700	364	91	4	SN kinh tế	1.621.460.000	1.618.460.000	1.593.830.100	1.593.830.100	98	98
Chi mua sắm tài sản	85.000.000	120.000.000	235.935.145	235.935.145	278	197	5	SN Y TẾ		10.000.000	10.000.000	10.000.000		100
Chi mua sắm tài sản	50.000.000	80.000.000	55.076.840	55.076.840	110	69	6	Sự nghiệp môi trường	115.000.000	120.000.000	118.427.750	118.427.750	103	99
Chi mua sắm tài sản	50.000.000	50.000.000	122.018.128	122.018.128	244	244	7	Quan lý Nhà nước, Đảng, Đoàn thể, HĐND	4.893.244.400	4.901.218.400	4.824.411.170	4.824.411.170	99	98
Chi mua sắm tài sản	10.000.000	13.000.000	51.858.267	51.858.267	519	399	8	Dân quân TV, ANQP	621.133.000	621.133.000	619.587.560	619.587.560	100	100
Chi mua sắm tài sản					0		9	Chi công tác phòng chống dịch	70.000.000				0	
Chi mua sắm tài sản	60.000.000	100.000.000	126.899.149	126.899.149	211	127	10	Khác	45.000.000	45.000.000	45.000.000	45.000.000	100	100
Chi mua sắm tài sản	50.000.000	60.000.000	121.146.940	121.146.940	242	202	11	Chi 50% nguồn cai cách tiền lương		381.314.000	360.530.889	360.530.889		95
Chi mua sắm tài sản	7.589.941.400	7.504.941.400	7.504.941.400	7.504.941.400	99	100	12	Chi chuyển nguồn sang năm sau			394.580.630	394.580.630		
Chi mua sắm tài sản	5.426.440.000	5.426.440.000	5.426.440.000	5.426.440.000	100	100	13	Dự phòng	113.410.000	115.000.000	20.400.000	20.400.000	18	18
Chi mua sắm tài sản	1.146.742.400	1.061.742.400	1.061.742.400	1.061.742.400	93	100								
Chi mua sắm tài sản	1.016.759.000	1.016.759.000	1.016.759.000	1.016.759.000	100	100								
Chi mua sắm tài sản					0									
Chi mua sắm tài sản														
Chi mua sắm tài sản		238.128.000	238.128.000	238.128.000		100								
Chi mua sắm tài sản	11.898.555.000	16.739.398.256	15.512.905.858	15.512.905.858	130	93	II	CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	11.898.555.000	16.592.964.076	15.070.939.200	15.013.571.500	127	91
Chi mua sắm tài sản		130.000.000	130.000.000	130.000.000		100	I	Chi đầu tư XD CB	11.898.555.000	16.082.964.076	14.598.798.000	14.598.798.000	123	91
Chi mua sắm tài sản					0		2	Đầu tư phát triển khác		510.000.000	414.773.500	414.773.500		81
Chi mua sắm tài sản					0		3	Chi chuyển nguồn sang năm sau			57.367.700	57.367.700		
Chi mua sắm tài sản					0									
Chi mua sắm tài sản		413.468.316	413.468.316	413.468.316										
Chi mua sắm tài sản		3.697.374.940	3.697.374.940	3.697.374.940		100								
Chi mua sắm tài sản		7.821.485.000	7.821.485.000	7.821.485.000	100	100								
Chi mua sắm tài sản	2.400.000.000	3.000.000.000	1.773.507.602	1.773.507.602	74	59								
Chi mua sắm tài sản	1.677.070.000	1.677.070.000	1.677.070.000	1.677.070.000	100	100								
Chi mua sắm tài sản	545.000.000	545.000.000	501.401.889	501.401.889		92	III	Chi giá dịch vụ		691.434.180	485.092.100	485.092.100		70
Chi mua sắm tài sản	65.000.000	65.000.000	58.673.515	58.673.515		90	I	Dịch vụ chợ		112.996.957	10.000	10.000		0
Chi mua sắm tài sản		0	0	0				Chi từ kết dư năm trước		47.996.957			0	

g năm		65 000 000	58 673 515	58 673 515		90	Chi phí chuyển tiền qua KB		65 000 000	10 000	10 000	
dịch vụ môi trường		480.000.000	442.728.374	442.728.374		92	2	Dịch vụ môi trường	578.437.223	485.082.100	485.082.100	84
trước			0	0					98.437.223	98.437.223	98.437.223	100
g năm		480.000.000	442.728.374	442.728.374		92		Chỉ từ kết dư năm trước	480.000.000	386.644.877	386.644.877	81
& CHUYỂN DÙNG		105.601.400	105.601.400	105.601.400		100	B	Chỉ từ thu năm 2023	56.181.400	56.181.400	56.181.400	100
năm		57.221.400	57.221.400	57.221.400		100		Chi quỹ chuyển dùng				
g năm		48.380.000	48.380.000	48.380.000		100						
		240.146.625	240.146.625	240.146.625		100	C	Chi hộ	143.870.016	143.870.016	143.870.016	100
năm		91.587.700	91.587.700	91.587.700		100					0	
g năm		148.558.925	148.558.925	148.558.925		100					0	
TỔNG CỘNG	19.954.796.400	26.560.215.681	25.455.197.438	25.455.197.438	128	96	Tổng cộng		26.560.953.252	24.792.644.915	24.735.277.215	

Kết dư cuối năm:

Trong đó:

Ngân sách
 Quỹ chuyển dùng
 Thu hộ chi hộ
 Trong đó:
 Tiền mặt:
 Tiền gửi 1121:
 Tiền gửi 1128:
 Tổng TG + TM

646.242.734
 500.546.125
 49.420.000
 96.276.609
 35.608.306
 610.634.428
 646.242.734

PHỤ LỤC SỐ 3a-TỔNG HỢP CÁC CHỨNG TỬ SAI PHẠM NĂM 2022 TẠI XÃ NGHĨ VẠN

SỐ CT	NGÀY THÁNG	NỘI DUNG	SỐ TIỀN	SỐ TIỀN SAI PHẠM	LÝ DO
EN MẶT					
PC 06	27/01/2022	Thanh toán kinh phí hỗ trợ Covid 19	243.820.000		Danh sách nhận tiền người lao động không có giao kết hợp đồng bị mất việc làm một người ký nhận tiền cho 07 đối tượng, không ghi rõ họ tên người ký nhận tiền
PC 04	27/01/2022	Thanh toán kinh phí tặng quà chúc thọ người cao tuổi	30.200.000		Nhiều trường hợp một người ký nhận thay cho nhiều đối tượng
PC 197	30/12/2022	Thanh toán kinh phí giải quyết đơn thư ông Mai Quang Châu xóm Làng	1.200.000	1.200.000	Không có quy định về chế độ cho các cá nhân tham gia hợp giải quyết đơn thư cấp xã 50.000 đồng/người
PC 199	30/12/2022	Thanh toán kinh phí giải quyết đơn thư ông Thái Viết Trung xóm Đông Vạn	1.200.000	1.200.000	Không có quy định về chế độ cho các cá nhân tham gia hợp giải quyết đơn thư cấp xã 50.000 đồng/người
PC 200	30/12/2022	Thanh toán kinh phí giải quyết đơn thư ông Nguyễn Văn Vỹ xóm Lương Sơn	1.200.000	1.200.000	Không có quy định về chế độ cho các cá nhân tham gia hợp giải quyết đơn thư cấp xã 50.000 đồng/người
UYỂN KHOẢN					
	16/05/2022	Chuyển tiền mua Mic	2.700.000		Mua hàng không có hợp đồng, thanh lý hợp đồng
CK	16/05/2022	Hồ sơ chuyển tiền mua maket phục vụ đại hội chi bộ	6.000.000		không có hợp đồng, thanh lý hợp đồng
TỔNG CỘNG			286.320.000	3.600.000	

PHỤ LỤC SỐ 3a-TỔNG HỢP CÁC CHỨNG TỪ SAI PHẠM NĂM 2023 TẠI XÃ NGHĨ VẠN

Phụ lục số 3b

SỐ CT	NGÀY THÁNG	NỘI DUNG	SỐ TIỀN	SỐ TIỀN SAI PHẠM	LÝ DO	SỐ TIỀN THU HỒI
ỨNG TỪ KHO BẠC						
KB 201	05/12/2023	Chuyển tiền điện sáng tháng 11/2023	9.601.099		Chỉ có thông báo, không có hóa đơn kèm theo	
KB 216	15/12/2023	Chuyển tiền xây dựng nhà văn hóa xóm Lương Đồng	300.000.000		Chỉ có giấy chuyển, không có hóa đơn kèm theo	
KB 226	29/12/2023	Chuyển tiền sửa chữa đường giao thông tuyến từ đường tránh Vĩnh đến ngã 3 trại Vùng	91.100.000		Nghiem thu và thanh lý hợp đồng ngày 22/8/2023 nhưng hóa đơn ngày 29/12/2023 là không phù hợp.	
KB 227	29/12/2023	Chuyển tiền nạo vét kênh mương phục vụ chống hạn Hè Thu	49.700.000		Nghiem thu và thanh lý hợp đồng ngày 31/7/2023 nhưng hóa đơn ngày 29/12/2023 là không phù hợp.	
ck	29/12/2023	Kinh phí cung cấp sản phẩm dịch vụ thủy lợi	35.379.000		Chuyển cho HTX nông nghiệp Nghi Vạn, Chỉ có bảng xác nhận giá trị khối lượng, không có hóa đơn kèm theo	
ỨNG TỪ TIỀN MẶT						
117	23/10/2023	Chi tiền hỗ trợ người nghèo quý I, 11/2023	14.748.000		Danh sách ký nhận tiền nhiều người ký thay mà không ghi rõ họ tên và mối quan hệ với người được hưởng, không có giấy ủy quyền	
118	23/10/2023	Chi tiền khen thưởng gia đình văn hóa 3 năm liên tục	9.600.000		Danh sách ký nhận tiền nhiều người ký thay mà không ghi rõ họ tên và mối quan hệ với người được hưởng, không có giấy ủy quyền	
152	15/11/2023	Chi phụ cấp cán bộ không chuyển trách tháng 11/2023	178.982.100	6.352.000	Danh sách phụ cấp chi đoàn 1 người (Hằng) ký nhận thay cho cả danh sách 5.250.000 đồng là không đúng, danh sách phụ cấp đặc thù BCH quân sự xã có Phan Công Hạnh không ký nhận tiền 1.102.000 đồng	
153	15/11/2023	Truy lĩnh phụ cấp tháng 7 đến tháng 12/2023	139.313.250	13.950.000	Danh sách nâng lương cho BCH Quân sự xã 1 người (Tuấn) ký nhận thay cả danh sách 13.950.000 đồng không đúng quy định	
169	20/12/2023	Truy lĩnh phụ cấp cán bộ bán chuyển trách, hợp đồng tháng 12/2023	27.328.650		Nhiều người chưa ký nhận tiền. Yêu cầu kê toán, thủ quỹ kiểm tra lại và giải trình những trường hợp này đã nhận tiền chưa	
172	28/12/2023	Chi tiền hỗ trợ người nghèo quý III/2023	13.606.000		Danh sách ký nhận tiền nhiều người ký thay mà không ghi rõ họ tên và mối quan hệ với người được hưởng, không có giấy ủy quyền	
TỔNG CỘNG			869.358.099	20.302.000		

BIỂU TỔNG HỢP KẾT QUẢ THANH TRA CÁC CÔNG TRÌNH TẠI XÃ NGHỊ VẠN
GIẢI ĐOẠN 2022 - 2023

Phụ lục 04

Đơn vị tính: 1.000 đồng

Công trình	Tổng DT được duyệt; đề nghị QT	Giá trị phê duyệt quyết toán A+B	Giá trị xây lắp trước thanh tra	Giá trị xây lắp sau thanh tra	Giá trị xây lắp đã thanh toán	Giá trị xây lắp kiến nghị thu hồi	Giá trị xây lắp kiến nghị giám trừ quyết toán	Đơn vị thực hiện
I	2	3	4	5	6	7	8	9
1. Tạo, SC cấp bách 1 số hạng mục bị xuống cấp công trình THCS Nghị Vạn		1.093.088	959.580	956.125	959.580	-3.455		Công ty TNHH Hàm Toàn Thắng
2. Nhà thể thao đa chức năng trường TH xã nghị Vạn		3.133.193	2.755.170	2.748.259	1.561.389	-6.911		Công ty CP đầu tư XD Đại Long
3. Trung tâm truyền thông và tư vấn cộng đồng xã nghị Vạn		524.716	497.481	497.481	497.481	0		CT CP tư vấn và XD phát thanh truyền hình
4. Nhà học 2 tầng 4 phòng trường Tiểu học nghị Vạn		2.763.342	2.405.182	2.397.964	895.743	-7.218		Công ty TNHH XD Hùng Long
5. Cầu Tép, xóm Tân Sơn, xã Nghị Vạn		945.397	828.611	822.085	700.000		-6.526	Công ty CP ĐTXD và TM An Phát Thịnh
6. Tạo, nâng cấp nhà học 2 tầng 8 phòng, hệ thống điện và công trình phụ trợ trường THCS xã nghị Vạn		3.445.354	3.034.236	3.025.486	1.050.000	-8.750		Công ty cổ phần XD VHB Nghệ An
7. Sân, khuôn viên và các công trình phụ trợ CA xã nghị Vạn		1.106.407	982.109	979.417	900.000	-2.692		Công ty TNHH XD Hùng Long
8. Nhà màng tưới, tiêu xóm Nam Bồ Sơn, xã Nghị Vạn		1.016.912	869.594	865.287	421.485	-4.307		Công ty CP TV XD Dương Nguyệt
9. Tuyến đường tiêu từ công bệnh viện Phổi - xã Nghị Vạn	3.200.000	3.176.343	2.801.380	2.779.814	1.600.000		-21.566	Công ty cổ phần HC Minh Đạt
Cộng	3.200.000	17.204.752	15.133.343	15.071.918	8.585.678	-33.333	-28.092	